BỘ CÔNG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: **101**/2025/TT-BCA	*Hà Nội, ngày 03 tháng 11 năm 2025*

THÔNG TƯ
Quy định về tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Công an nhân dân số ngày 20 tháng 11 năm 2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân ngày 22 tháng 6 năm 2023; Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023; Luật Công nghiệp quốc phòng, an ninh và động viên công nghiệp ngày 27 tháng 6 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam ngày 28 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Hình sự ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an; Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 02/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Cảnh sát cơ động, Nghị định số 06/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chính sách đối với lực lượng Cảnh vệ và công tác cảnh vệ, Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 70/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự;

Căn cứ Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự; Nghị định số 220/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của một số nghị định trong lĩnh vực quốc phòng, quân sự khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp;

Căn cứ Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ; Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một

số điều của 11 nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về chỉ tiêu, thời gian, đối tượng, tiêu chuẩn tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (gọi chung là tuyển quân); phân công trách nhiệm và phối hợp trong tuyển quân; thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân trong thời gian thực hiện quyết định gọi khám sức khỏe và huấn luyện, phân công công tác, chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong thời hạn phục vụ tại ngũ, xuất ngũ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân đăng ký thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

2. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ.

3. Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an và Công an tỉnh, thành phố (gọi chung là Công an đơn vị, địa phương).

4. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong công tác tuyển chọn, gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân và tổ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ.

Chương II
TUYỂN CHỌN CÔNG DÂN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 3. Đối tượng và tiêu chuẩn tuyển quân

Ngoài các quy định về đối tượng, tiêu chuẩn tuyển chọn theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 70/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (sau đây gọi chung là Nghị định số 70/2019/NĐ-CP), công dân được tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân phải bảo đảm về độ tuổi, tiêu chuẩn chính trị và tiêu chuẩn sức khỏe sau:

1. Độ tuổi:

a) Công dân từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi;

b) Đối với công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 thì tuyển chọn đến hết 27 tuổi.

2. Tiêu chuẩn chính trị:

Bản thân công dân và cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ hoặc chồng; người trực tiếp nuôi dưỡng của công dân, của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; anh chị em ruột của công dân đảm bảo tiêu chuẩn về chính trị để tuyển vào Công an nhân dân theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

3. Tiêu chuẩn sức khỏe:

Tiêu chuẩn sức khỏe tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 4. Tuyển chọn công dân nữ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

1. Công dân nữ đã tốt nghiệp đào tạo trình độ trung cấp trở lên và bảo đảm các tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Thông tư này, nếu tự nguyện và Công an đơn vị, địa phương có nhu cầu thì được xem xét, tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

2. Căn cứ thực tế nhu cầu sử dụng của Công an đơn vị, địa phương, Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an xem xét trình độ đào tạo cần thiết khác để tuyển chọn công dân nữ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Điều 5. Đề xuất chỉ tiêu tuyển quân

1. Đối với Công an địa phương:

a) Sau khi kết thúc và rút kinh nghiệm công tác tuyển quân, Công an tỉnh, thành phố (gọi chung là Công an cấp tỉnh) xây dựng kế hoạch và chỉ đạo Công an xã, phường, đặc khu (gọi chung là Công an cấp xã) rà soát, nắm nguồn, tạo nguồn tuyển quân hàng năm;

b) Căn cứ kết quả rà soát, Công an cấp xã phối hợp với cơ quan quân sự cùng cấp nắm chắc số công dân trong độ tuổi gọi nhập ngũ đã đăng ký nghĩa vụ quân sự và số công dân nữ có nguyện vọng, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, tổng hợp tình hình, báo cáo kết quả về Phòng Tổ chức cán bộ, Công an cấp tỉnh trước ngày 30 tháng 4 hàng năm;

c) Sau khi tổng hợp báo cáo của Công an cấp xã, Công an cấp tỉnh chủ động phối hợp với các đơn vị: Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động, Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục An ninh điều tra, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Cục Quản lý xuất nhập cảnh (gọi chung là các đơn vị nhận quân thuộc Bộ Công an) để thống nhất

chỉ tiêu tuyển quân hằng năm cho các đơn vị nhận quân thuộc Bộ Công an, xây dựng kế hoạch tuyển quân của địa phương mình và có văn bản đề xuất chỉ tiêu tuyển quân về Bộ Công an (qua Cục Tổ chức cán bộ) trước ngày 15 tháng 6 hàng năm; nội dung đề xuất cần thể hiện rõ số lượng, đơn vị sử dụng, địa bàn tuyển (đối với tuyển quân cho đơn vị mình và các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, trong đó có chỉ tiêu tuyển chọn công dân nữ).

2. Đối với các đơn vị nhận quân thuộc Bộ Công an:

Căn cứ nhu cầu sử dụng chiến sĩ nghĩa vụ, chủ động phối hợp với Công an địa phương nắm nguồn tuyển và có văn bản trao đổi, thống nhất với Công an cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 5 hàng năm về chỉ tiêu tuyển quân cho đơn vị mình trước khi đề xuất chỉ tiêu tuyển quân (số lượng và địa bàn tuyển) về Bộ Công an (qua Cục Tổ chức cán bộ) trước ngày 15 tháng 6 hàng năm; nội dung đề xuất cần thể hiện rõ số lượng, đơn vị sử dụng, địa bàn tuyển (đối với tuyển quân cho đơn vị mình, trong đó có chỉ tiêu tuyển chọn công dân nữ).

3. Trên cơ sở báo cáo của Công an đơn vị, địa phương, Cục Tổ chức cán bộ tham mưu Bộ trưởng Bộ Công an trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về số lượng gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân tại từng địa phương.

Điều 6. Phân bổ chỉ tiêu tuyển quân

1. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định phân bổ chỉ tiêu tuyển quân đối với từng đơn vị thuộc Bộ Công an (theo quy định được sử dụng hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ) và Công an cấp tỉnh.

2. Căn cứ chỉ tiêu tuyển quân được Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công an giao, Công an cấp tỉnh phối hợp với cơ quan quân sự cùng cấp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố (gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định phân bổ chỉ tiêu tuyển quân cho từng địa bàn cấp xã đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 7. Tổ chức tuyển quân

1. Công an cấp tỉnh:

a) Tham mưu với cấp ủy, Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hiện quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Công an nhân dân và các văn bản liên quan về nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân trong nhân dân, nhất là công dân trong độ tuổi gọi nhập ngũ và phối hợp với cơ quan quân sự, Hội đồng nghĩa vụ quân sự cùng cấp, các ngành liên quan tổ chức thực hiện chỉ đạo đó;

b) Phối hợp với cơ quan quân sự tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp giao chỉ tiêu tuyển quân hàng năm phù hợp nguồn tuyển ở từng địa phương và chỉ đạo Hội đồng nghĩa vụ quân sự, các ngành liên quan phối hợp với cơ quan Công an cùng cấp trong công tác tuyển quân;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trực thuộc và Công an cấp xã thực hiện việc tuyển quân đúng quy định, bảo đảm đủ chỉ tiêu và chất lượng giao quân;

d) Tổ chức khám phúc tra sức khỏe cho toàn bộ số công dân sau khi có Quyết định gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân và bù đổi trước ngày giao, nhận quân (nếu có) đảm bảo chỉ tiêu, tiêu chuẩn theo quy định. Trường hợp phải chờ kết quả xác minh về chính trị, đạo đức hoặc giám định về sức khỏe không đảm bảo kịp ngày giao, nhận quân thì kịp thời chủ động bù đổi trước ngày giao, nhận quân (nếu có);

Hội đồng khám phúc tra sức khoẻ của Công an cấp tỉnh do Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định thành lập, có trách nhiệm kết luận khám phúc tra sức khoẻ đối với toàn bộ số công dân có Quyết định gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân; các đơn vị nhận quân thuộc Bộ Công an phối hợp, cử thành phần tham gia Hội đồng khám phúc tra sức khỏe;

đ) Cấp phát quân trang cho chiến sĩ mới trước ngày tổ chức Lễ giao, nhận quân, bảo đảm thống nhất, phù hợp với từng lực lượng, điều kiện thời tiết, khí hậu, vùng miền (kể cả số công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân ở các đơn vị thuộc Bộ); chuyển quân về đơn vị huấn luyện bảo đảm an toàn tuyệt đối, không để lưu quân dài ngày tại địa phương;

e) Tiếp nhận hồ sơ do Công an cấp xã bàn giao; quản lý hồ sơ công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân tại địa phương mình; bàn giao hồ sơ công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân tại các đơn vị nhận quân thuộc Bộ cho các đơn vị nhận quân thuộc Bộ Công an;

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp có chính sách thăm hỏi, tặng quà, động viên đối với công dân trúng tuyển chấp hành Quyết định gọi thực hiện nghĩa vụ; hỗ trợ kinh phí đi lại cho thân nhân (ở các xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số) đưa, tiễn công dân đến dự Lễ giao, nhận quân và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện;

h) Tổ chức rút kinh nghiệm, sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả công tác tuyển quân theo quy định.

2. Công an cấp xã:

a) Thực hiện trách nhiệm tại các điểm a, g và h Khoản 1 Điều này; phối hợp với cơ quan quân sự cùng cấp tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định gọi khám sức khỏe, Quyết định gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

b) Thực hiện trình tự tuyển quân theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 70/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 2 Điều 11 Nghị định số 184/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực an ninh, trật tự (sau đây gọi chung là Nghị định số 184/2025/NĐ-CP);

c) Thông báo công khai đến từng thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu dân cư để nhân dân biết về chỉ tiêu tuyển quân tại địa phương,

điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục tuyển chọn, thời hạn và địa điểm tiếp nhận hồ sơ của công dân đăng ký dự tuyển;

d) Phát huy hiệu quả công tác quản lý cư trú trên địa bàn, kết hợp ứng dụng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để nắm hộ, nắm người, nắm địa bàn; chủ động lựa chọn nguồn tuyển và thống nhất nhân sự cụ thể đối với cơ quan quân sự cùng cấp;

đ) Phối hợp với ban, ngành, đoàn thể và gia đình nắm chắc tiêu chuẩn chính trị, đạo đức và những vấn đề mới phát sinh và quản lý công dân sau khi có Quyết định gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, kịp thời thông tin và cung cấp để Công an cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị nhận quân biết, quản lý;

e) Phối hợp với cơ quan quân sự cùng cấp, các ban, ngành, đoàn thể động viên, thăm hỏi và giúp đỡ gia đình có công dân chuẩn bị nhập ngũ;

g) Hoàn thành thủ tục hồ sơ (gồm cả hồ sơ đảng viên, đoàn viên và các hồ sơ khác có liên quan) của công dân được gọi thực hiện nghĩa vụ và bàn giao đầy đủ cho Phòng Tổ chức cán bộ, Công an cấp tỉnh theo quy định.

4. Trách nhiệm của các đơn vị nhận quân thuộc Bộ Công an:

a) Khi có thông báo chỉ tiêu và địa bàn tuyển quân, các đơn vị nhận quân thuộc Bộ Công an ban hành kế hoạch tuyển quân và phối hợp với Công an địa phương triển khai thực hiện;

b) Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản giao chỉ tiêu tuyển quân phải cử đại diện đến Công an cấp tỉnh để thống nhất về tiêu chuẩn tuyển chọn, thời gian nghiên cứu hồ sơ, tiếp xúc, lựa chọn người dự tuyển, thống nhất danh sách, phương thức giao, nhận quân và những vấn đề cần thiết khác có liên quan. Việc nghiên cứu hồ sơ, tiếp xúc, lựa chọn người dự tuyển và thống nhất danh sách với Công an cấp tỉnh phải kết thúc trước 10 ngày tính đến ngày Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có Quyết định gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

c) Duy trì thông tin thường xuyên với Công an cấp tỉnh để nắm chắc thời gian và cử thành phần tham gia Hội đồng khám phúc tra sức khoẻ của Công an cấp tỉnh; thống nhất với Công an cấp tỉnh về thành phần, thời gian và kết quả khám phúc tra sức khỏe đối với công dân do Công an cấp tỉnh tuyển cho đơn vị nhận quân thuộc Bộ Công an bằng văn bản và thực hiện bù đổi trước thời điểm giao nhận quân (nếu có);

d) Phân công đơn vị trực thuộc chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc Công an cấp tỉnh để cử cán bộ trực tiếp đến Công an cấp xã tham gia các khâu tuyển chọn từ cơ sở; hỗ trợ, phối hợp với Công an địa phương trong công tác thẩm tra, xác minh lý lịch công dân dự kiến tuyển chọn cho đơn vị mình theo đề nghị của Công an địa phương (nếu có).

Điều 8. Tổ chức giao, nhận quân

1. Công an cấp tỉnh phối hợp với Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh tổ chức Lễ giao, nhận quân tại Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực hoặc cụm xã thuộc địa bàn

Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác định bảo đảm đúng quy định.

Công an cấp tỉnh chỉ đạo Công an cấp xã tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã phối hợp Ban Chỉ huy phòng thủ khu vực thực hiện Lễ giao nhận quân và các nhiệm vụ có liên quan đến lễ giao nhận quân theo quy định.

2. Công an cấp tỉnh tiếp nhận công dân được tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân từ địa phương giao quân để bàn giao cho các đơn vị nhận quân, thời gian bàn giao chậm nhất là 03 ngày, kể từ ngày địa phương tổ chức Lễ giao, nhận quân.

3. Các đơn vị nhận quân thuộc Bộ Công an tiếp nhận, chuyển quân về đơn vị huấn luyện bảo đảm an toàn tuyệt đối, không để lưu quân dài ngày tại địa phương.

4. Chế độ thông tin, báo cáo:

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quân, đơn vị lập danh sách chiến sĩ mới và thân nhân đủ điều kiện tham gia bảo hiểm y tế, báo cáo theo quy định;

b) Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày địa phương tổ chức lễ giao, nhận quân, Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm báo cáo kết quả đợt tuyển quân về Phòng Tổ chức cán bộ, Công an cấp tỉnh;

c) Chậm nhất 10 ngày, kể từ ngày tổ chức lễ giao, nhận quân, Công an địa phương và đơn vị nhận quân thuộc Bộ Công an phải báo cáo kết quả đợt tuyển quân về Bộ (qua Cục Tổ chức cán bộ).

Điều 9. Huấn luyện và phân công công tác đối với chiến sĩ nghĩa vụ

1. Công an đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ huấn luyện chiến sĩ mới xây dựng kế hoạch và tổ chức khai giảng, bế giảng khóa (lớp) huấn luyện chiến sĩ mới theo quy định và phân công của Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Sau khi hoàn thành khóa huấn luyện chiến sĩ mới, Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương quyết định phân công chiến sĩ nghĩa vụ thực hiện nhiệm vụ tại các đơn vị theo quy định. Các đơn vị nhận quân thuộc Bộ Công an khi quyết định phân công công tác cho chiến sĩ nghĩa vụ thực hiện nhiệm vụ tại các đơn vị trực thuộc, đồng thời gửi danh sách phân công công tác chiến sĩ nghĩa vụ cho Công an các địa phương đã tuyển quân cho đơn vị mình để theo dõi, phối hợp khi có yêu cầu.

3. Trường hợp chiến sĩ nghĩa vụ chưa hoàn thành khoá huấn luyện chiến sĩ mới (không đủ điều kiện để được cấp chứng chỉ hoàn thành chương trình huấn luyện), Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương tiếp nhận, bố trí, phân công nhiệm vụ phù hợp cho chiến sĩ nghĩa vụ và đảm bảo quy định. Công an đơn vị, địa phương rà soát, phối hợp với đơn vị được giao nhiệm vụ huấn luyện chiến sĩ mới tổ chức huấn luyện bổ sung nội dung còn thiếu cho chiến sĩ nghĩa vụ chưa hoàn thành khóa huấn luyện (huấn luyện riêng hoặc huấn luyện cùng với khoá huấn luyện chiến sĩ mới năm kế tiếp) đảm bảo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan thuộc cơ quan Bộ Công an

1. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan và các cơ quan truyền thông trong và ngoài Công an nhân dân tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Cục Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân của Công an đơn vị, địa phương; thẩm định đề nghị của Công an đơn vị, địa phương để tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền duyệt và giao chỉ tiêu tuyển quân hằng năm đối với Công an đơn vị, địa phương; tham mưu lãnh đạo Bộ ban hành kế hoạch dự Lễ giao, nhận quân tại đơn vị, địa phương.

3. Cục Công tác chính trị chủ trì, phối hợp với Công an đơn vị, địa phương xây dựng nội dung tuyên truyền công tác tuyển quân hàng năm; hướng dẫn Công an đơn vị, địa phương các hình thức tuyên truyền; đề xuất khen thưởng đối với những tập thể có thành tích xuất sắc, cách làm sáng tạo trong công tác tuyển quân.

4. Cục Truyền thông Công an nhân dân tổ chức tuyên truyền về công tác tuyển quân hàng năm (trước, trong và sau thời gian tuyển quân).

5. Cục Kế hoạch và tài chính chủ trì, hướng dẫn Công an đơn vị, địa phương lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí công tác tuyển quân, thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân trong thời gian thực hiện Quyết định gọi khám sức khỏe; phối hợp với các đơn vị chức năng kiểm tra việc quản lý, chi tiêu, thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

6. Cục Trang bị và kho vận xây dựng kế hoạch bảo đảm quân trang phục vụ công tác tuyển quân, cấp phát quân trang cho số công dân được tuyển cho Công an địa phương và các đơn vị nhận quân thuộc Bộ Công an đảm bảo đầy đủ, đúng thời hạn quy định và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện.

7. Cục Y tế chủ trì tham mưu, đề xuất quy định về tiêu chuẩn sức khỏe, khám sức khỏe tuyển quân và phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện; hướng dẫn công tác phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm trong công tác tuyển quân, khám phúc tra sức khoẻ, xét nghiệm sàng lọc, phát hiện HIV, ma tuý và tiêm phòng vắc xin cho chiến sĩ mới.

Điều 11. Xuất ngũ, kỷ luật

1. Việc giải quyết xuất ngũ và xuất ngũ trước thời hạn đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 70/2019/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 4 Điều 11 Nghị định số 184/NĐ-CP, như sau:

a) Đối với trường hợp không đủ sức khỏe để tiếp tục phục vụ tại ngũ:

Căn cứ đơn đề nghị của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ, Tư lệnh, Cục trưởng và tương đương, Giám đốc Công an cấp tỉnh có văn bản đề nghị Hội đồng giám định y khoa cùng cấp hoặc Hội đồng giám định y khoa Bộ Công an khám và kết luận.

Căn cứ kết luận của Hội đồng giám định y khoa, Tư lệnh, Cục trưởng và tương đương, Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ theo thẩm quyền;

b) Đối với các trường hợp quy định tại các điểm b và c khoản 1, các điểm a, b và c khoản 2 Điều 41 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015:

Căn cứ đơn của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và Công an cấp xã), Tư lệnh, Cục trưởng và tương đương, Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ theo thẩm quyền.

2. Sau khi hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ xuất ngũ, các đơn vị nhận quân thuộc Bộ Công an có trách nhiệm cung cấp cho Công an cấp tỉnh (nơi tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân) danh sách hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được xét chuyển sang chế độ chuyên nghiệp, trúng tuyển các trường Công an nhân dân, bị tước danh hiệu Công an nhân dân và danh sách hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân xuất ngũ trở về địa phương.

3. Việc xem xét, xử lý kỷ luật đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2022/TT-BCA ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc xử lý kỷ luật trong Công an nhân dân được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BCA ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an và Thông tư số 32/2021/TT-BCA ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về công tác quản lý, giáo dục học viên các trường Công an nhân dân.

Chương III
CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH

Điều 12. Chế độ, chính sách đối với công dân trong thời gian thực hiện khám sức khỏe theo Quyết định gọi khám sức khỏe của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chế độ, chính sách:

Trong thời gian thực hiện khám sức khỏe, công dân tham dự tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được hưởng các chế độ, chính sách quy định đối với công dân trong thời gian thực hiện khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 9 Điều 7 Nghị định 220/2025/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của một số nghị định trong lĩnh vực quốc phòng, quân sự khi tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, cụ thể như sau:

a) Công dân đang làm việc tại cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước trong thời gian thực hiện khám sức khỏe theo Quyết định gọi khám sức khỏe của Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp xã được hưởng nguyên lương, phụ cấp hiện hưởng và tiền tầu xe đi, về theo chế độ quy định hiện hành của pháp luật;

b) Công dân không thuộc các cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước trong thời gian thực hiện khám sức khỏe theo Quyết định gọi khám sức khỏe của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã được đảm bảo các chế độ sau: Tiền ăn bằng mức tiền ăn cơ bản một ngày của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ. Thanh toán tiền tầu xe đi, về theo chế độ quy định hiện hành của pháp luật.

2. Nguyên tắc hưởng chế độ:

Thời gian đi, về và thực hiện khám sức khỏe từ 04 giờ trở lên trong ngày được tính cả ngày; dưới 04 giờ trở xuống tính 1/2 ngày.

3. Trách nhiệm chi trả:

a) Công dân đang làm việc tại cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước khi thực hiện khám sức khỏe theo Quyết định gọi khám sức khỏe của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nơi công dân đang làm việc chi trả;

b) Công dân không thuộc các cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước khi thực hiện khám sức khỏe theo Quyết định gọi khám sức khỏe của Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp xã do Công an cấp xã đề xuất, Công an cấp tỉnh chi trả, thanh quyết toán.

4. Nguồn ngân sách bảo đảm:

a) Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trong thời gian thực hiện khám sức khỏe cho đối tượng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành;

b) Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trong thời gian thực hiện khám sức khỏe cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 3 Điều này do ngân sách Nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Công an đơn vị, địa phương.

Điều 13. Phong, thăng cấp bậc hàm

1. Phong cấp bậc hàm:

Công dân được tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân thì được phong cấp bậc hàm Binh nhì kể từ ngày giao nhận quân; trong trường hợp không giao, nhận quân tập trung thì được phong cấp bậc hàm Binh nhì kể từ ngày đơn vị Công an nhân dân tiếp nhận.

2. Thời hạn thăng cấp bậc hàm:

a) Thăng cấp bậc hàm Binh nhất: Binh nhì đã giữ cấp bậc hàm đủ 06 tháng;

b) Thăng cấp bậc hàm Hạ sĩ: Binh nhất đã giữ cấp bậc hàm đủ 06 tháng;

c) Thăng cấp bậc hàm Trung sĩ: Hạ sĩ đã giữ cấp bậc hàm đủ 12 tháng;

d) Thăng cấp bậc hàm Thượng sĩ: Trung sĩ đã giữ cấp bậc hàm đủ 12 tháng hoặc trong thời gian phục vụ tại ngũ, hạ sĩ quan nghĩa vụ lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên và đã giữ cấp bậc hàm Hạ sĩ đủ 12 tháng;

đ) Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ bị xử lý kỷ luật hoặc không hoàn thành nhiệm vụ hoặc có thời gian trên 03 tháng (66 ngày làm việc, kể cả cộng dồn) nghỉ ốm, nghỉ điều trị (trừ trường hợp bị thương trong thời gian huấn luyện, chiến đấu) thì bị kéo dài thời hạn thăng cấp bậc hàm bằng thời hạn của mỗi cấp bậc hàm được thăng. Trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức giáng cấp bậc hàm thì thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về việc xử lý kỷ luật trong Công an nhân dân.

3. Thăng cấp bậc hàm

a) Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được thăng cấp bậc hàm khi có đủ các điều kiện sau:

Hoàn thành nhiệm vụ trở lên; không vi phạm kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên; không đang trong thời gian xem xét xử lý kỷ luật; không bị tạm đình chỉ, đình chỉ công tác hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc có vấn đề cần xác minh, làm rõ.

Đủ thời hạn xét thăng cấp bậc hàm cho mỗi cấp quy định tại khoản 2 Điều này.

Trong thời hạn giữ cấp bậc hàm có thời gian không quá 03 tháng (66 ngày làm việc, kể cả cộng dồn) nghỉ ốm, nghỉ điều trị (trừ trường hợp bị thương trong huấn luyện, chiến đấu);

b) Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ đang trong thời gian chấp hành quyết định kỷ luật thì chưa xét thăng cấp bậc hàm. Sau khi chấp hành xong quyết định kỷ luật (khi hiệu lực của quyết định kỷ luật chấm dứt), nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì được xét thăng cấp bậc hàm kể từ tháng liền kề sau tháng chấp hành xong quyết định kỷ luật;

c) Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ đang bị tạm đình chỉ, đình chỉ công tác hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo hoặc có vấn đề cần xác minh làm rõ thì chưa xét thăng cấp bậc hàm. Sau khi có kết luận không vi phạm (bị oan, sai) thì được thăng cấp bậc hàm kể từ tháng đến thời hạn thăng cấp bậc hàm. Nếu kết luận chưa đến mức phải xử lý kỷ luật thì được xét thăng cấp bậc hàm sau thời điểm có kết luận.

4. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trúng tuyển vào các học viện, trường Công an nhân dân thì thời gian học tập tại trường, kể cả thời gian gửi đào tạo tại các trường ngoài lực lượng Công an nhân dân (nếu có) được tính vào thời hạn xét thăng cấp bậc hàm. Trong thời gian học tập, được thăng cấp bậc hàm cao nhất đến Thượng sĩ và hưởng phụ cấp cấp bậc hàm và các chế độ khác như đang trong thời gian tại ngũ (trừ phụ cấp công vụ, phụ cấp đặc thù, các chế độ quy định đối với địa bàn công tác và phụ cấp thêm quy định tại Điều 17 Thông tư này), không được chuyển

chuyên nghiệp. Sau khi tốt nghiệp được xếp lương, thăng cấp bậc hàm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

5. Thẩm quyền phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ:

Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương căn cứ quy định của Bộ Công an về phân công trách nhiệm giữa Công an các cấp trong công tác tổ chức cán bộ của lực lượng Công an nhân dân và thời hạn xét thăng cấp bậc hàm quy định tại khoản 2 Điều này để quyết định phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ.

6. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được phong, thăng cấp bậc hàm nào thì được hưởng mức phụ cấp cấp bậc hàm đó theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016, cụ thể:

a) Cấp bậc hàm Thượng sĩ: hệ số phụ cấp 0,70;

b) Cấp bậc hàm Trung sĩ: hệ số phụ cấp 0,60;

c) Cấp bậc hàm Hạ sĩ: hệ số phụ cấp 0,50;

d) Cấp bậc hàm Binh nhất: hệ số phụ cấp 0,45;

đ) Cấp bậc hàm Binh nhì: hệ số phụ cấp 0,40.

Điều 14. Chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong thời hạn phục vụ tại ngũ và khi xuất ngũ

1. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong thời hạn phục vụ tại ngũ và khi xuất ngũ được hưởng các chế độ, chính sách quy định đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân quy định tại: Điều 50 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 27/2016/NĐ-CP), được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 209/2025/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 nghị định của Chính phủ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Quốc phòng, khoản 2 Điều này và các điều 15, 16, 17 và 18 Thông tư này.

2. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ xuất ngũ nếu có thời gian phục vụ tại ngũ trong Công an nhân dân từ đủ 12 tháng trở lên thì được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Trường hợp hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu Công an nhân dân thì không được thực hiện các chế độ, chính sách như đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ khi xuất ngũ quy định tại khoản 2 Điều này và Điều 18 Thông tư này, trừ chế độ bảo hiểm xã hội.

Điều 15. Chế độ chính sách đối với trường hợp hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ đi học, trong quá trình học tập, các cơ sở đào tạo quyết định cho thôi học,

trả về đơn vị thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân trước đây (đơn vị sơ tuyển)

1. Trường hợp hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ đang trong quá trình thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân trúng tuyển các cơ sở đào tạo trong Công an nhân dân hoặc các cơ sở đào tạo ngoài Công an nhân dân (do Bộ Công an cử đi đào tạo), quá trình học tập, các cơ sở đào tạo quyết định cho thôi học, trả về Công an đơn vị, địa phương nơi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân trước đây (đơn vị sơ tuyển). Sau khi tiếp nhận hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ, Công an đơn vị, địa phương thực hiện các thủ tục giải quyết chính sách cho hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ có quyết định cho thôi học của các cơ sở đào tạo như sau:

a) Trường hợp thời điểm hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được các cơ sở đào tạo cho thôi học, trả về Công an đơn vị, địa phương mà số hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ nhập ngũ cùng thời gian (cùng khóa) chưa hết hạn phục vụ tại ngũ thì tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân đến hết thời hạn phục vụ tại ngũ; khi xuất ngũ được áp dụng chế độ chính sách như hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ không tham gia học tập tại các cơ sở đào tạo;

b) Trường hợp thời điểm hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được các cơ sở đào tạo cho thôi học, trả về Công an đơn vị, địa phương mà số hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ nhập ngũ cùng thời gian (cùng khóa) đã hết hạn phục vụ tại ngũ và đã xuất ngũ thì Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương quyết định cho hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ có quyết định thôi học xuất ngũ theo quy định; khi xuất ngũ được áp dụng chế độ, chính sách tương tự như hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ cùng khóa xuất ngũ.

2. Thời gian hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân tại đơn vị để thực hiện chế độ, chính sách (trừ chế độ bảo hiểm xã hội) được xác định kể từ ngày thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân đến ngày nhập học tại các cơ sở đào tạo trong, ngoài Công an nhân dân và thời gian hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân sau khi các cơ sở đào tạo cho thôi học, trả về Công an đơn vị, địa phương (nếu có) và không tính thời gian học tập tại các cơ sở đào tạo.

Điều 16. Thanh toán bằng tiền đối với những ngày không thể giải quyết cho nghỉ phép

Hạ sĩ quan, chiến sĩ tại ngũ đủ điều kiện được nghỉ phép hàng năm theo quy định nhưng do yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu hoặc ở những nơi điều kiện đi lại khó khăn không thể giải quyết cho nghỉ phép theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP thì được thanh toán chế độ nghỉ phép như sau:

1. Mức tiền thanh toán cho một ngày không nghỉ phép bằng mức tiền ăn cơ bản một ngày của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ theo quy định tại thời điểm không nghỉ phép; số ngày được thanh toán cao nhất của mỗi hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ là 10 ngày. Không được thanh toán tiền tàu, xe, tiền phụ cấp đi đường và thời gian được tính là ngày đi đường.

2. Chỉ huy cấp trung đoàn và tương đương trở lên chịu trách nhiệm xem xét, quyết định đối với các trường hợp được thanh toán chế độ nghỉ phép tại đơn vị.

3. Không giải quyết chế độ thanh toán bằng tiền đối với các trường hợp được nghỉ phép đặc biệt theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP.

Điều 17. Chế độ phụ cấp thêm

1. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ phục vụ tại ngũ từ tháng thứ 25 trở đi, hằng tháng được hưởng thêm 250% phụ cấp cấp bậc hàm hiện hưởng.

2. Cách tính hưởng:

Phụ cấp từ tháng thứ 25	=	Phụ cấp cấp bậc hàm hiện hưởng	+	Phụ cấp thêm

Trong đó:

Phụ cấp thêm	=	Phụ cấp cấp bậc hàm hiện hưởng	x	250%

3. Chế độ phụ cấp thêm không áp dụng đối với các trường hợp hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ đang chờ chuyển sang chế độ chuyên nghiệp; chờ đi học, dự thi tuyển sinh và các trường hợp khác.

Điều 18. Chế độ trợ cấp xuất ngũ

1. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ khi xuất ngũ được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc được cấp sổ, bảo lưu quá trình đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và trợ cấp xuất ngũ một lần. Chế độ trợ cấp xuất ngũ một lần như sau: Cứ mỗi năm (đủ 12 tháng) phục vụ trong Công an nhân dân được trợ cấp bằng 02 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ tại thời điểm xuất ngũ.

Cách tính hưởng trợ cấp xuất ngũ:

Trợ cấp xuất ngũ một lần	=	Số năm phục vụ tại ngũ	x	02 tháng tiền lương cơ sở tại thời điểm xuất ngũ

Trường hợp thời gian phục vụ có tháng lẻ được tính như sau:

a) Dưới 01 tháng không được hưởng trợ cấp xuất ngũ;

b) Từ đủ 01 tháng đến đủ 06 tháng được hưởng trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương cơ sở;

c) Từ trên 06 tháng đến 12 tháng được hưởng trợ cấp bằng 02 tháng tiền lương cơ sở.

2. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ khi xuất ngũ được trợ cấp thêm như sau:

a) Thời gian phục vụ tại ngũ từ tháng thứ 25 đến dưới 30 tháng được trợ cấp thêm 01 tháng phụ cấp cấp bậc hàm hiện hưởng;

b) Thời gian phục vụ tại ngũ từ đủ 30 tháng, được trợ cấp thêm 02 tháng phụ cấp cấp bậc hàm hiện hưởng.

3. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định khi xuất ngũ được trợ cấp tạo việc làm bằng 06 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ tại thời điểm xuất ngũ.

4. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ khi xuất ngũ được đơn vị trực tiếp quản lý tổ chức buổi gặp mặt chia tay trước khi xuất ngũ, mức chi theo quy định của Chính phủ về một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ; được đơn vị tiễn và đưa về địa phương nơi cư trú theo quy định hoặc được cấp tiền tàu, xe (loại phổ thông) và phụ cấp đi đường từ đơn vị về nơi cư trú.

5. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được giải quyết xuất ngũ trước thời hạn cũng được thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại điều này.

Điều 19. Nguồn ngân sách đảm bảo cho chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong thời hạn phục vụ tại ngũ, xuất ngũ

1. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ quy định tại Thông tư này do ngân sách Nhà nước đảm bảo và được bố trí trong dự toán thường xuyên hàng năm của Bộ Công an giao cho Công an đơn vị, địa phương.

2. Hàng năm, Công an đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ và tổng hợp chung vào dự toán ngân sách của đơn vị, địa phương mình báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính) để tổng hợp dự toán chi ngân sách của Bộ Công an gửi Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Thông tư số 63/2023/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn để áp dụng trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Ban hành kèm theo Thông tư này phụ lục các biểu mẫu về công tác tuyển chọn, thực hiện chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương có trách nhiệm phổ biến, quán triệt đến cán bộ, chiến sĩ và tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Công an đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Cục Tổ chức cán bộ) để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an;
- Công an tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, X01(P2), Tg(134).

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Lương Tam Quang